

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1175* /CV-CTCP

Thái Nguyên, ngày *20* tháng *01* năm 20*23*

V/v: Giải trình chênh lệch Kết quả kinh doanh Quý II/2023 so với Quý II/2022 và lũy kế 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Căn cứ vào thực tế của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Mã chứng khoán: TNH) giải trình Kết quả kinh doanh Quý II/2023 so với Quý II/2022 và lũy kế 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước như sau:

Kết quả kinh doanh lũy kế 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	Lũy kế đầu năm đến cuối quý này		Chênh lệch	Tỷ lệ
	Năm nay	Năm trước		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	229.584.908.399	207.503.351.299	22.081.557.100	11%
4. Giá vốn hàng bán	126.656.614.679	118.110.153.364	8.546.461.315	7%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.928.293.720	89.393.197.935	13.535.095.785	15%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	85.889.681	10.651.137	75.238.544	706%
7. Chi phí tài chính	18.456.495.771	19.929.689.142	(1.473.193.371)	-7%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	18.456.495.771	19.475.849.142	(1.019.353.371)	-5%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.086.034.769	13.595.957.797	3.490.076.972	26%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	67.471.652.861	55.878.202.133	11.593.450.728	21%
11. Thu nhập khác	296.306.582	35.000.000	261.306.582	747%
12. Chi phí khác	445.756.061	69.246.000	376.510.061	544%
13. Lợi nhuận khác	(149.449.479)	(34.246.000)	(115.203.479)	336%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.322.203.382	55.843.956.133	11.478.247.249	21%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.715.631.476	1.550.520.356	5.165.111.120	333%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60.606.571.906	54.293.435.777	6.313.136.129	12%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	632	566	66	12%

Nguyên nhân biến động:

Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 12% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do Doanh thu tăng 11% trong khi giá vốn chỉ tăng 7% nên lợi nhuận gộp tăng 15%. Ngoài ra, Doanh thu tài chính và thu nhập khác cùng tăng mạnh (nhưng giá trị nhỏ); Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 26%, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 333% (Chủ yếu do Công ty đã

hết thời gian miễn thuế tại Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên và hết thời gian ưu đãi thuế tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Mặt khác, ảnh hưởng của việc điều chỉnh thuế TNDN các năm trước vào năm nay) trong khi chi phí tài chính giảm 7%; Chi phí khác tăng mạnh nhưng giá trị nhỏ. Kết quả trên là do 6 tháng đầu năm 2023 số lượng bệnh nhân đến khám đông (trong khi cùng kỳ năm trước, do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 dẫn đến số lượng bệnh nhân đến bệnh viện khám trực tiếp ít hơn) đồng thời BV triển khai thêm 1 số dịch vụ kỹ thuật mới và các dịch vụ trọn gói cho khách hàng nên giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời do ảnh hưởng của lạm phát dẫn đến chi phí nguyên vật liệu, dịch vụ mua ngoài tăng lên, chi phí lương cho CBNV cũng tăng nhưng tốc độ tăng thấp hơn doanh thu. Bệnh viện cũng đã đi vào hoạt động ổn định nên không có sự biến động mạnh về chi phí. Tổng hợp lại, lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2023 tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.

Kết quả kinh doanh Quý II/2023 so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	Quý II/2023	Quý II/2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.464.416.102	118.595.118.766	4.869.297.336	4%
4. Giá vốn hàng bán	64.686.831.165	60.702.581.063	3.984.250.102	7%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.777.584.937	57.892.537.703	885.047.234	2%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	72.843.539	4.243.723	68.599.816	1617%
7. Chi phí tài chính	9.116.739.050	9.932.361.149	(815.622.099)	-8%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	9.116.739.050	9.705.441.149	(588.702.099)	-6%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.798.735.675	8.552.429.530	246.306.145	3%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.934.953.751	39.411.990.747	1.522.963.004	4%
11. Thu nhập khác	8.466.602	35.000.000	(26.533.398)	-76%
12. Chi phí khác	445.756.061	69.246.000	376.510.061	544%
13. Lợi nhuận khác	(437.289.459)	(34.246.000)	(403.043.459)	1177%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.497.664.292	39.377.744.747	1.119.919.545	3%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.350.829.569	1.211.705.008	3.139.124.561	259%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	36.146.834.723	38.166.039.739	(2.019.205.016)	-5%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	377	398	(21)	-5%

Nguyên nhân biến động

Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý II/2023 giảm 5% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do Doanh thu tăng 4% trong khi giá vốn tăng 7% nên lợi nhuận gộp tăng 2%. Ngoài ra, Doanh thu tài chính tăng mạnh còn thu nhập khác giảm mạnh (nhưng giá trị nhỏ); Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 3%, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 259% (Chủ yếu do Công ty đã hết thời gian miễn thuế tại Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên và hết thời gian ưu đãi thuế tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Mặt khác, ảnh hưởng của việc điều chỉnh thuế TNDN các năm trước vào năm nay) trong khi chi phí tài chính giảm 8%; Chi phí khác tăng mạnh nhưng giá trị nhỏ. Quý II/2023 số lượng bệnh nhân đến khám, điều trị tiếp tục tăng (trong khi cùng kỳ năm trước, do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 dẫn đến số lượng bệnh nhân đến bệnh viện khám trực tiếp ít hơn) đồng thời BV triển khai thêm 1 số dịch vụ kỹ thuật mới và các dịch

vụ trọn gói cho khách hàng nên giá trị gia tăng lớn hơn. Tuy nhiên do ảnh hưởng của lạm phát dẫn đến chi phí nguyên vật liệu, dịch vụ mua ngoài tăng lên, chi phí lương cho CBNV cũng tăng với tốc độ cao hơn tốc độ tăng doanh thu. Tổng hợp lại, lợi nhuận sau thuế TNDN Quý II/2023 giảm nhẹ 5% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban TGD (để b/c)
- Lưu: VT, QT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



[Handwritten signature]
Hoàng Tuyên

